

NGHIÊN CỨU KHẢO SÁT MỘT SỐ TÍNH CHẤT VÀ LỰA CHỌN VẢI DỆT THOI LÔNG CỪU PHA POLYESTER PHÙ HỢP MAY ÁO VEST CÔNG SỞ NAM KHU VỰC MIỀN NAM

TRẦN NGUYỄN TÚ UYÊN, LÊ NGỌC LỄ, NGUYỄN CHÍ THANH, TRIỆU THỊ TRANG
Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
tuuyentk@gmail.com

Tóm tắt. Áo vest hiện nay được sử dụng rộng rãi trong thời trang công sở và dạo phố. Vải dệt thoi từ lông cừu và lông cừu pha polyester thường được sử dụng phổ biến để may áo vest và quần tây. Bài báo này trình bày kết quả khảo sát và đánh giá một số mẫu vải dệt thoi lông cừu pha polyester với tỷ lệ khác nhau để lựa chọn mẫu vải phù hợp nhất sử dụng làm nguyên liệu may áo vest công sở nam khu vực Miền Nam. Áo vest nam may từ mẫu vải được lựa chọn sau quá trình đánh giá đã được khảo sát mức độ phù hợp với đối tượng sử dụng sản phẩm.

Từ khóa: Vest nam, vải lông cừu pha polyester, tính chất vải lông cừu pha

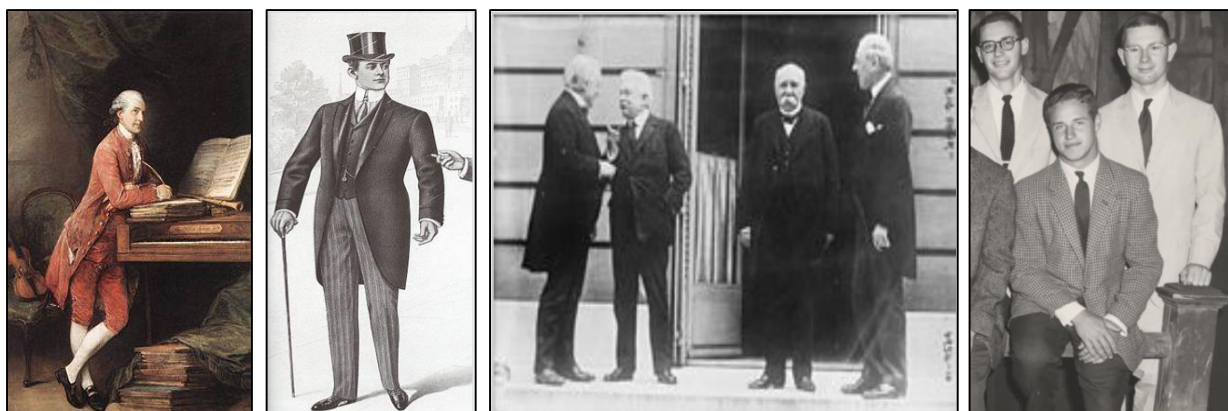
STUDY ON USE OF WOOL/POLYESTER BLENDED WOVEN FABRICS FOR SOUTHERN MEN JACKET

Abstract. Today, suits is widely used in formal clothes. Woven wool and wool/polyester blended fabrics are commonly used for making suits. This study presents survey results and assesses the suitability of some wool/ polyester blended fabrics with different ratios of polyester to use as materials for Southern men's office attire. Men's jacket was sewn from selected fabric samples after the evaluation process, the suitability level of the product was surveyed.

Keywords: Men suits, wool/polyester blended fabrics, wool blended properties.

1. GIỚI THIỆU

Bộ veston nam còn gọi là bộ com-lê hay bộ vest, là một bộ trang phục cho nam giới bao gồm áo khoác ngoài thường gọi là áo vest hoặc jacket suit, quần tây và áo ghi lê may cùng một loại vải. Bộ veston qua hơn 400 năm đã thay đổi nhiều nhưng các kết cấu của nó thì hầu như vẫn không thay đổi [1]. Bộ veston có nguồn gốc từ Châu Âu, theo nhiều tài liệu bắt nguồn từ nhà vua Anh Charles II vào thế kỷ 17. Đến những năm đầu thập niên 1800, công tước George Beau Brummel là một trong những người nắm toàn quyền đối với trang phục nam giới ở Anh thời đó đã có sự cải cách, bộ trang phục nam giới châu Âu được cắt may vừa vặn hơn. Những năm 1920 nam giới bắt đầu mặc quần ống rộng, ống đứng với áo vest thay vì quần ống bó, đến khoảng năm 1950, bộ veston có hình dáng gần như hiện nay [2] (Hình 1.1).



Hình 1.1 Hình dáng bộ veston qua nhiều giai đoạn: a) Năm 1780, b) Năm 1901, c) Năm 1919, d) Năm 1950

Du nhập vào Việt Nam từ những năm 1882 khi thực dân Pháp vào nước ta, veston là bộ trang phục tạo cho người mặc một hình thức trang trọng, lịch sự nên thường được mặc vào các dịp lễ quan trọng như ngày lễ, cưới xin, dự tiệc, v.v... Ngày nay, veston không chỉ mang chức năng của bộ lễ phục mà còn được sử dụng rộng rãi trong thời trang công sở và dạo phố với nhiều kiểu phù hợp với nhu cầu đa dạng của người sử dụng như sự năng động, tiện lợi và tính ứng dụng cao trong nhiều mục đích.

Một trong những vật liệu phổ biến và lâu đời nhất sử dụng may veston là vải len dệt thoi có nguồn gốc từ lông của động vật như cừu, lạc đà, dê, thỏ,... trong đó lông cừu được sử dụng nhiều nhất. Lông cừu là vật liệu tự nhiên từ lâu đã được sử dụng làm nguyên liệu dệt vải trong may mặc và trang trí nội thất, mang nhiều đặc tính quý như độ bền tương đối cao, hút ẩm rất tốt, thoáng mát mùa hè và giữ nhiệt tốt vào mùa đông, tạo được phom dáng cho trang phục, có nhiều nghiên cứu về trang phục nam giới cho mùa hè lựa chọn đối tượng nghiên cứu là vải len lông cừu hoặc lông cừu pha [3], [4], [5], [6]. Vải len cừu có nguồn gốc từ Châu Âu, được xem là một phần lịch sử và di sản của nước Anh. Nó được dệt thành vải từ khoảng năm 1900 trước Công nguyên, đến khoảng năm 55 trước Công nguyên, người Anh đã phát triển ngành công nghiệp len và xuất khẩu len thô ra nước ngoài, loại vật liệu này đã nhanh chóng được đón nhận và phát triển tại nhiều nơi trên thế giới. Có thể nói, vải len hay vải len cừu dệt thoi được xem là lựa chọn hàng đầu để may veston nam [7], [8], [9].



Hình 1.2 Hình ảnh lông cừu, sợi len và vải len dệt thoi

Để phù hợp với xu hướng thời trang hiện đại và yêu cầu ngày càng cao của người sử dụng sản phẩm, vải len dệt thoi không chỉ đa dạng về màu sắc, hoa văn mà còn cần đáp ứng một số yêu cầu về độ bền, tính tiện nghi, sinh thái và tính kinh tế của vật liệu sử dụng trong may mặc [12], [13]. Vì vậy, nhằm đáp ứng các yêu cầu trên và cải thiện một số tính chất, vải len cừu thường được pha với một số xơ sợi khác như pha với lông lạc đà, cotton, silk hay phổ biến nhất là pha polyester [10], [11]. Mặc khác, yêu cầu của trang phục công sở nam theo xu hướng hiện đại ngoài việc tạo cho người mặc sự trang trọng, lịch sự cần có trong môi trường trường làm việc còn đòi hỏi sự năng động và tiện lợi trong quá trình sử dụng. Bài báo “Nghiên cứu khảo sát một số tính chất và lựa chọn vải dệt thoi lông cừu pha polyester phù hợp may áo vest công sở nam khu vực Miền Nam” nhằm mục đích đánh giá và lựa chọn mẫu vải dệt thoi lông cừu pha polyester phù hợp, mang lại những giá trị tốt nhất cho một số tính chất của vải len cừu pha sử dụng làm nguyên liệu may áo vest, đáp ứng được một số yêu cầu của sản phẩm áo vest công sở nam trong khu vực Miền Nam.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Các mẫu vải dệt thoi lông cừu pha polyester (LC/PES): Các mẫu vải với các tỷ lệ khác nhau được cung cấp bởi công ty TNHH Dệt Daewon Việt Nam. Các mẫu có cùng mật độ dọc và ngang, kiểu dệt, chỉ số sợi dọc và ngang. Các mẫu được ký hiệu là M₁, M₂, M₃, M₄, M₅, M₆ có % tỷ lệ pha LC/PES lần lượt là 100/0, 70/30, 55/45, 50/50, 45/55, 30/70.

Sản phẩm áo vest công sở nam: Áo vest nam may từ mẫu vải LC/PES được chọn sau khi đánh giá.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp khảo cứu tài liệu: Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan.

Phương pháp khảo sát thực tế: Khảo sát 20 chuyên gia và 40 người sử dụng về các tính chất của vải theo mẫu phiếu trình bày trong Bảng 2.1. Khảo sát đánh giá sản phẩm áo vest công sở nam may từ vải LC/PES theo mẫu phiếu khảo sát trình bày trong Bảng 2.2.

Bảng 2.1 Mẫu phiếu khảo sát mức độ quan tâm đối với một số tính chất của vật liệu may áo vest công sở nam.

Tiêu chí đánh giá	Không quan tâm	Ít quan tâm	Quan tâm	Đặc biệt quan tâm
1. Độ bền đứt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Độ giãn đứt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Độ co sau giặt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Độ vón gút sau giặt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Độ bền màu ánh sáng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Độ bền màu ma sát.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Độ bền màu sau giặt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Độ hồi nhàu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Độ thoáng khí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Nguồn gốc của vải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11. Giá thành của vải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Bảng 2.2 Mẫu phiếu khảo sát sản phẩm áo vest công sở nam khu vực TP. Hồ Chí Minh.

Tiêu chí đánh giá	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Sản phẩm tạo được hình tượng phù hợp cho người mặc trong môi trường công sở.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.Sản phẩm có khối lượng nhỏ hơn so với các loại áo vest thường gặp trên thị trường, tạo cảm giác nhẹ nhàng cho người mặc.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.Sản phẩm sẽ được đánh giá cao khi có độ bền tốt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.Sản phẩm sẽ được đánh giá cao khi có độ ổn định về kích thước, không bị co rút, vón gút bề mặt sau khi giặt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.Sản phẩm sẽ được đánh giá cao khi có độ bền màu sau giặt, bền màu ánh sáng và bền màu mài mòn tốt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.Sản phẩm tạo cảm giác thông thoáng, dễ chịu khi mặc.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.Sản phẩm có tính tiện lợi trong quá trình sử dụng, dễ dàng gấp gọn, hạn chế tối đa nếp nhăn trong quá trình sử dụng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.Sản phẩm được đánh giá cao khi được may từ vật liệu quý có nguồn gốc từ tự nhiên.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.Sản phẩm có mức giá từ 2.000.000VNĐ đến 2.500.000VNĐ là phù hợp với đối tượng sử dụng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Phương pháp thực nghiệm: Thực nghiệm được thực hiện tại Phân viện Dệt May thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu một số tính chất của vải như độ bền đứt và độ giãn đứt (ISO 13934-1-13), độ co sau giặt (ISO 6330-2012), độ vón gút (ISO BS 5811), độ bền màu sau giặt (ISO 105-C06 A1S-02), độ bền màu ánh sáng (ISO 105 B02-2000), độ bền màu ma sát (ISO 105-X12-01), góc hồi nhàu sau 30 phút (ISO 2313-72), độ thoáng khí (ISO 9237-95).

Phương pháp xử lý số liệu:

a) *Tính hệ số xếp loại các mẫu theo kết quả thử nghiệm của từng tính chất:* Các phép tính và đồ thị được xử lý bằng phần mềm Excel. Kết quả thí nghiệm các tính chất của vải được tính điểm bằng phương pháp xếp thứ bậc [14], [15] để đánh giá xếp loại và cho điểm từ mẫu kém nhất đến mẫu tốt nhất ta có 6 hệ số điểm từ 1 đến 6 cụ thể như sau:

Bảng 2.4 Bảng xếp loại hệ số các mẫu thí nghiệm

Kết quả thí nghiệm	a ₁	a ₂ (a ₁ <a ₂)	a ₃ (a ₂ <a ₃)	a ₄ (a ₃ <a ₄)	a ₅ (a ₄ <a ₅)	a ₆ (a ₅ <a ₆)
Hệ số điểm	1	2	3	4	5	6

Nếu các mẫu có kết quả thí nghiệm bằng nhau thì hệ số của mỗi mẫu đó được tính là trung bình cộng của các hệ số trong phạm vi các mẫu có cùng kết quả thí nghiệm (Bảng 2.5) [4].

Bảng 2.5 Bảng xếp loại hệ số mẫu thí nghiệm với các mẫu có kết quả thử nghiệm bằng nhau.

Kết quả thí nghiệm	a ₁	a ₂ (a ₁ <a ₂)	a ₃ (a ₂ =a ₃)	a ₄ (a ₃ =a ₄)	a ₅ (a ₄ <a ₅)	a ₆ (a ₅ <a ₆)
Hệ số điểm	1	3	3	3	5	6

b) *Tính điểm trung bình đối với mỗi tính chất qua kết quả khảo sát (Mẫu phiếu khảo sát Bảng 2.2):*

Cho điểm 1, 2, 3, 4 tương ứng với mỗi mức khảo sát *Không quan tâm, Ít quan tâm, Quan tâm, Đặc biệt quan tâm*. Công thức tính điểm trung bình của từng tính chất như sau:

$$\text{Điểm trung bình (của 1 tính chất)} = \frac{A+2B+3C+4D}{N}$$

Trong đó A, B, C, D lần lượt là số ý kiến chọn *Không quan tâm, Ít quan tâm, Quan tâm, Đặc biệt quan tâm*, N là tổng số người được khảo sát.

c) *Tính tổng điểm của mỗi phương án mẫu vải:* Tổng điểm của mỗi mẫu vải được tính bằng tổng của tích hệ số điểm và điểm trung bình của tất cả các tính chất.

d) *Xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS:* Kết quả khảo sát sản phẩm áo vest công sở nam (Bảng 2.2) được xử lý bằng phần mềm SPSS theo hệ số Cronbach's Alpha với 5 mức khảo sát đánh giá của thang đo Likert.

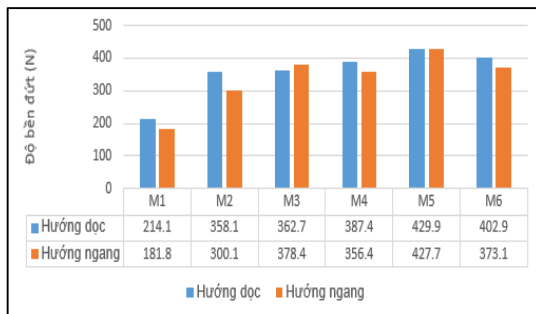
3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1 Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm của một số tính chất vải LC/PES

3.1.1 Đánh giá độ bền đứt của vải

Kết quả thí nghiệm và biểu đồ độ bền đứt được thể hiện trong Hình 3.1.

Bảng 3.1 Bảng hệ số điểm độ bền đứt của các mẫu vải



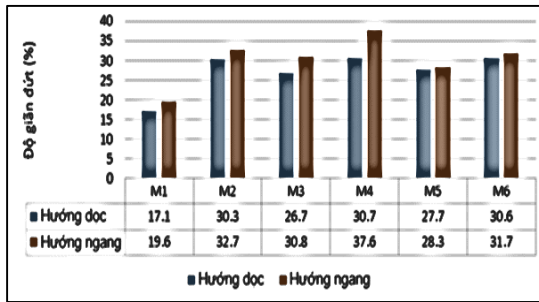
Hình 3.1 Biểu đồ so sánh độ bền đứt của các mẫu vải

Mẫu	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
Hướng dọc	1	2	3	4	6	5
Hướng ngang	1	2	5	3	6	4
Hệ số điểm TB	1	2	4	3.5	6	4.5

Dựa vào số liệu thí nghiệm độ bền đứt trong Hình 3.1 ta thấy rằng, đối với độ bền đứt theo hướng dọc mẫu M₅ có giá trị cao nhất (429.9 N) được đánh giá 6 điểm, tiếp đó giảm dần là mẫu M₆ (402.9 N), M₄ (387.4 N), M₃ (362.7 N), M₂ (358.1 N), M₁ (214.1 N) lần lượt được đánh giá ở mức 5 điểm, 4 điểm, 3 điểm, 2 điểm, 1 điểm. Đối với độ bền đứt theo hướng ngang mẫu M₅ có giá trị cao nhất (427.7 N), được đánh giá 6 điểm, tiếp đó giảm dần là mẫu M₃, M₆, M₄, M₂, M₁ lần lượt được đánh giá ở mức 5 điểm, 4 điểm, 3 điểm, 2 điểm, 1 điểm. Điểm trung bình về độ bền đứt của các mẫu được trình bày trong Bảng 3.1.

3.1.2 Đánh giá độ giãn đứt của vải

Kết quả thí nghiệm và biểu đồ độ giãn đứt được thể hiện trong Hình 3.2

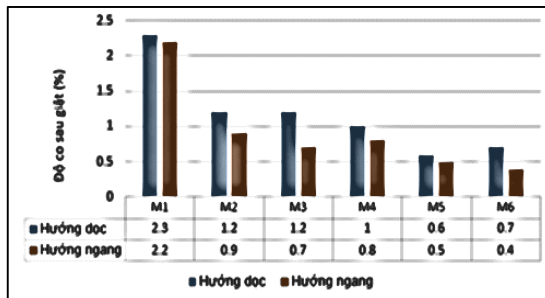


Hình 3.2 Biểu đồ so sánh độ giãn đứt của các mẫu vải

Dựa vào số liệu thí nghiệm độ bền đứt Hình 3.2 ta thấy rằng, đối với độ giãn đứt theo hướng dọc mẫu M₄ giá trị cao nhất (30.7%), mẫu M₁ có giá trị thấp nhất (17.1%). Theo hướng ngang mẫu M₄ có giá trị cao nhất (37.6%), mẫu M₁ có giá trị thấp nhất (19.6%). Điểm trung bình về độ bền đứt của các mẫu được trình bày trong Bảng 3.2

3.1.3 Đánh giá độ co sau giặt của vải

Kết quả thí nghiệm và biểu đồ độ co của các mẫu được trình bày trong Hình 3.3



Hình 3.3 Biểu đồ so sánh độ co sau giặt của các mẫu vải

Dựa vào số liệu thí nghiệm độ bền đứt Hình 3.3 ta thấy rằng, đối với độ co theo hướng dọc mẫu M₅ ít bị co nhất (0.6%), mẫu M₁ co nhiều nhất (2.3%). Theo hướng ngang mẫu M₆ co ít nhất (0.4%), mẫu M₁ co nhiều nhất (2.2%). Điểm trung bình về độ bền đứt của các mẫu được trình bày trong Bảng 3.3

3.1.4 Đánh giá độ vón gút sau giặt của vải

Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm độ vón gút sau giặt của các mẫu được trình bày trong Bảng 3.4. Các mẫu vải thí nghiệm sau giặt đều được đánh giá ở cấp 4-5 trong thang đo từ cấp 1 đến cấp 5 với cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất, cho thấy các mẫu sau giặt ít bị vón gút, giữ được ngoại quan tốt sau giặt.

Bảng 3.4 Bảng kết quả thí nghiệm và hệ số điểm độ vón gút sau giặt của vải

Mẫu vải	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
Kết quả thí nghiệm (cấp)	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5
Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5

3.1.5 Đánh giá độ bền màu ánh sáng của vải

Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm độ bền màu ánh sáng của các mẫu được trình bày trong Bảng 3.5 cho thấy các mẫu có độ bền ánh sáng tốt và tương đương, có hệ số điểm bằng nhau ở tất cả các mẫu.

Bảng 3.5 Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm độ bền màu ánh sáng của mẫu

Mẫu vải	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
Kết quả thí nghiệm (cấp)	>4	>4	>4	>4	>4	>4
Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5

3.1.6 Đánh giá độ bền màu ma sát của vải

Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm độ vón gút sau giặt của các mẫu được trình bày trong Bảng 3.6 cho thấy độ bền màu ma sát của các mẫu khá tốt, đều đạt cấp 4 đến 4-5. Mẫu M₄ có hệ số điểm cao nhất là 18.5 thấp nhất là các mẫu M₁, M₂, M₃, M₆ với hệ số điểm bằng nhau là 12.5.

Bảng 3.2 Bảng hệ số điểm độ giãn đứt của các mẫu vải

Mẫu	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
Hướng dọc	1	4	3	6	2	5
Hướng ngang	1	5	3	6	2	4
Hệ số điểm TB	1	4.5	3	6	2	4.5

Bảng 3.3 Bảng hệ số điểm độ co sau giặt của các mẫu vải

Mẫu	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
Hướng dọc	1	2.5	2.5	4	6	5
Hướng ngang	1	2	4	3	5	6
Hệ số điểm TB	1	2.25	3.25	3.5	5.5	5.5

Bảng 3.6 Bảng kết quả thí nghiệm và hệ số điểm độ bền ma sát của vải

Mẫu vải	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
1. Dọc (cấp)						
Khô	4	4	4	4-5	4-5	4
Hệ số điểm	2.5	2.5	2.5	5.5	5.5	2.5
Ướt	4	4	4	4	4	4
Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
2. Ngang (cấp)						
Khô	4	4	4	4-5	4	4
Hệ số điểm	3	3	3	6	3	3
Ướt	4	4	4	4	4	4
Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
Hệ số điểm TB	12.5	12.5	12.5	18.5	15.5	12.5

3.1.7 Đánh giá độ thoáng khí của vải

Bảng 3.7 Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm độ thoáng khí của mẫu

Mẫu vải	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
Kết quả thí nghiệm (mm/s)	231.4	296.4	252.3	520.5	415.2	406.6
Hệ số điểm	1	3	2	6	5	4

Kết quả thí nghiệm độ thoáng khí của vải được trình bày trong bảng 3.10 cho thấy các mẫu M₄, M₅, M₆ có độ thoáng khí cao, tốt nhất là mẫu M₄ (520.5 mm/s), thấp nhất là mẫu M₁ có độ thoáng khí là 231.4 mm/s. Hệ số điểm của các mẫu được trình bày trong Bảng 3.7 với mẫu M₄ có hệ số cao nhất là 6, mẫu M₁ có hệ số điểm thấp nhất là 1.

3.1.8 Đánh giá độ bền màu sau giặt của vải

Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm đánh giá độ bền màu của vải sau giặt được trình bày trong Bảng 3.8 cho thấy các mẫu có độ bền màu sau giặt tốt. Độ bền màu sau giặt là tốt nhất ở các mẫu M₃, M₄, M₅ với hệ số điểm là 26.5, thấp nhất là mẫu M₆ với hệ số điểm là 20.5.

Bảng 3.8 Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm độ bền màu sau giặt của vải

Mẫu vải	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
1. Phai màu (cấp)	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5
Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
2. Dây màu (cấp)						
Acetate	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5	4
Hệ số điểm	4	4	4	4	4	1
Cotton	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5
Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
Nylon	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5	4
Hệ số điểm	4	4	4	4	4	1
Polyester	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5
Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
Acrylic	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5
Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
Wool	4	4	4-5	4-5	4-5	4-5
Hệ số điểm	1.5	1.5	4.5	4.5	4.5	4.5
Hệ số điểm TB	23.5	23.5	26.5	26.5	26.5	20.5

3.1.9 Đánh giá khả năng phục hồi nhàu của vải

Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm đánh giá khả năng phục hồi nhàu của vải được trình bày trong Bảng 3.9.

Bảng 3.9 Kết quả thí nghiệm và hệ số điểm khả năng phục hồi nhàu của mẫu

Mẫu vải	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
1. Dọc (°)						
Mặt phải	174	179	175	172	176	170
Hệ số điểm	3	6	4	2	5	1
Mặt trái	173	175	169	174	167	178
Hệ số điểm	3	5	1	4	2	6
2. Ngang (°)						
Mặt phải	179	170	170	173	170	174
Hệ số điểm	6	2	2	4	2	5
Mặt trái	179	171	178	172	177	178
Hệ số điểm	6	1	4.5	2	3	4.5
Hệ số điểm TB	18	14	11.5	12	12	16.5

Kết quả thí nghiệm cho thấy các mẫu có góc hồi nhàu khá tốt từ 167° đến 179° sau 30 phút. Mẫu M₁ có hệ số điểm cao nhất là 18, mẫu M₃ có hệ số điểm thấp nhất là 11.5.

3.2 Kết quả khảo sát và tính điểm trung bình của một số tính chất vải LC/PES

Kết quả khảo sát mức độ quan tâm của 60 người và điểm trung bình của các tính chất được trình bày trong Bảng 3.10.

Kết quả xác định tổng điểm của mỗi mẫu trình bày trong Bảng 3.11, được tính bằng tích của hệ số điểm (từ Bảng 3.1 đến Bảng 3.9) và điểm trung bình (từ kết quả khảo sát Bảng 3.10).

Bảng 3.10 Kết quả khảo sát và điểm trung bình các tính chất của vải

Tính chất	Không quan tâm	Ít quan tâm	Quan tâm	Đặc biệt quan tâm	Điểm trung bình
1. Độ bền đứt	4	12	34	10	5.67
2. Độ giãn đứt	5	24	20	11	5.23
3. Độ co sau giặt	2	12	30	16	6.00
4. Độ vón gút sau giặt	6	16	24	14	5.53
5. Độ bền màu ánh sáng	4	10	27	19	6.03
6. Độ bền màu ma sát	4	16	28	10	5.33
7. Độ bền màu sau giặt	2	10	24	24	6.33
8. Độ hồi nhàu	1	12	27	20	6.20
9. Độ thoáng khí	2	18	25	15	5.77
10. Nguồn gốc của vải	2	16	30	12	5.73
11. Giá thành của vải	0	18	16	26	6.27

Bảng 3.11 Kết quả tổng điểm của các mẫu vải

Tính chất		M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆
1. Độ bền đứt	Hệ số điểm	1	2	4	3.5	6	4.5
	Điểm trung bình	5.67	5.67	5.67	5.67	5.67	5.67
2. Độ giãn đứt	Hệ số điểm	1	4.5	3	6	2	4.5
	Điểm trung bình	5.23	5.23	5.23	5.23	5.23	5.23
3. Độ co sau giặt	Hệ số điểm	1	2.25	3.25	3.5	5.5	5.5
	Điểm trung bình	6.00	6.00	6.00	6.00	6.00	6.00
4. Độ vón gút sau giặt	Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	Điểm trung bình	5.53	5.53	5.53	5.53	5.53	5.53
5. Độ bền màu ánh sáng	Hệ số điểm	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
	Điểm trung bình	6.03	6.03	6.03	6.03	6.03	6.03
6. Độ bền màu ma sát	Hệ số điểm	12.5	12.5	12.5	18.5	15.5	12.5
	Điểm trung bình	5.33	5.33	5.33	5.33	5.33	5.33
7. Độ bền màu sau giặt	Hệ số điểm	23.5	23.5	26.5	26.5	26.5	20.5
	Điểm trung bình	6.33	6.33	6.33	6.33	6.33	6.33
8. Độ hồi nhàu	Hệ số điểm	18	14	11.5	12	12	16.5

	Điểm trung bình	6.20	6.20	6.20	6.20	6.20	6.20
9. Độ thoáng khí	Hệ số điểm	1	3	2	6	5	4
	Điểm trung bình	5.77	5.77	5.77	5.77	5.77	5.77
10.Nguồn gốc của vải	Hệ số điểm	6	5	4	3	2	1
	Điểm trung bình	5.73	5.73	5.73	5.73	5.73	5.73
11.Giá thành của vải	Hệ số điểm	1	2	3	4	5	6
	Điểm trung bình	6.27	6.27	6.27	6.27	6.27	6.27
Tổng điểm		430.76	449.52	457.27	530.33	514.36	487.63

Kết quả tổng điểm của mỗi mẫu vải (Bảng 3.11) cho thấy mẫu M₄ (% tỷ lệ pha LC/PES là 50/50) có tổng điểm cao nhất (530.33 điểm) đáp ứng được yêu cầu về các tính chất của vải theo đánh giá của chuyên gia và người sử dụng, là mẫu phù hợp nhất để lựa chọn may áo vest công sở nam khu vực Miền Nam.

3.3 Kết quả khảo sát mẫu áo vest công sở nam

Mẫu vải M₄ được lựa chọn may mẫu áo vest công sở nam (Hình 3.4) và được khảo sát theo Bảng 2.2 bởi 40 người mặc thử tại thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS trình bày trong (bảng 3.12) cho thấy hệ số Cronbach's Alpha = 0.71 > 0.6 cho 9 biến nên đạt yêu cầu về độ tin cậy. Kết quả trên đã khẳng định mẫu vải LC/PES có tỷ lệ pha 50/50 là phù hợp may áo vest nam khu vực Miền Nam.



Hình 3.4 Hình ảnh sản phẩm áo vest mặt ngoài và mặt trong



Hình 3.5 Hình minh họa sản phẩm được sử dụng dễ dàng, tiện lợi với nhiều mục đích.

Bảng 3.12 Kết quả khảo sát tính hiệu quả của sản phẩm áo vest công sở nam khu vực Tp. Hồ Chí Minh

Item- Total Statistics				
Tiêu chí đánh giá	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan tổng biến	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
1. Sản phẩm tạo được hình tượng phù hợp cho người mặc trong môi trường công sở.	32.85	12.695	0.555	0.747
2..... Sản phẩm có khối lượng nhỏ hơn so với các loại áo vest thường gặp trên thị trường, tạo cảm giác nhẹ nhàng cho người mặc.	32.68	11.199	0.605	0.669

3..... Sản phẩm sẽ được đánh giá cao khi có độ bền tốt.	32.80	11.395	0.469	0.684
4..... Sản phẩm sẽ được đánh giá cao khi có độ ổn định về kích thước, không bị co rút, vón gút bề mặt sau khi giặt.	32.58	11.071	0.425	0.686
5..... Sản phẩm sẽ được đánh giá cao khi có độ bền màu sau giặt, bền màu ánh sáng và bền màu mài mòn tốt.	32.63	10.804	0.585	0.664
6..... Sản phẩm tạo cảm giác thông thoáng, dễ chịu khi mặc.	32.83	11.635	0.574	0.712
7..... Sản phẩm có tính tiện lợi trong quá trình sử dụng, dễ dàng gấp gọn, hạn chế tối đa nếp nhăn trong quá trình sử dụng.	33.13	10.215	0.442	0.682
8..... Sản phẩm được đánh giá cao khi được may từ vật liệu quý có nguồn gốc từ tự nhiên.	33.13	8.676	0.683	0.621
9..... Sản phẩm có mức giá từ 2.000.000VNĐ đến 2.500.000VNĐ là phù hợp với đối tượng sử dụng.	34.00	11.385	0.499	0.737
Hệ số Cronbach's Alpha chung cho 9 biến quan sát	0.717			

4. KẾT LUẬN

Kết quả thí nghiệm một số tính chất của 6 mẫu vải cho thấy đối với độ bền đứt, mẫu M₅ cho kết quả tốt nhất, mẫu M₁ cho kết quả kém hơn các mẫu còn lại. Mẫu M₄ cho kết quả độ giãn đứt tốt nhất và thấp nhất là mẫu M₁. Mẫu M₅ và M₆ có độ co sau giặt tốt nhất và mẫu M₁ là kém nhất. Đối với độ vón gút sau giặt và độ bền màu ánh sáng, 6 mẫu đều được đánh giá tốt với kết quả thí nghiệm lần lượt đạt cấp >4 và 4-5 trên 5 cấp. Mẫu M₄ cho kết quả bền màu ma sát tốt nhất so với các mẫu còn lại có kết quả tương đương nhau. Mẫu M₄ cũng cho kết quả độ thoáng khí cao nhất, thấp nhất là mẫu M₁. Đối với độ bền màu sau giặt, các mẫu M₃, M₄, M₅ cho kết quả tốt nhất và M₆ cho kết quả thấp nhất. Mẫu M₁ cho kết quả góc hời nhàu tốt nhất, kém nhất là mẫu M₃.

Kết quả khảo sát một số tính chất của vật liệu sử dụng may áo vest công sở khu vực Miền Nam (kết quả điểm trung bình Bảng 3.10) cho thấy mức độ quan tâm lần lượt giảm dần đối với các yếu tố: độ bền màu sau giặt, giá thành của vật liệu, độ hời nhàu, độ bền màu ánh sáng, độ co sau giặt, độ thoáng khí, nguồn gốc thành phần của vật liệu, độ bền, độ vón gút sau giặt, độ bền màu ma sát, độ giãn đứt.

Kết quả tổng điểm (Bảng 3.11) của mỗi mẫu vải LC/PES cho thấy mức độ phù hợp để may áo vest nam khu vực Miền Nam lần lượt giảm dần theo thứ tự các mẫu vải M₄ (530.33 điểm), M₅ (514.36 điểm), M₆(487.63 điểm), M₃ (457.27 điểm), M₂ (449.52 điểm), M₁ (430.76 điểm).

Dựa vào kết quả thí nghiệm và khảo sát, mẫu vải M₄ với % tỷ lệ pha LC/PES 50/50 là mẫu phù hợp nhất trong 6 mẫu thí nghiệm được lựa chọn để may áo vest nam khu vực Miền Nam. Kết quả khảo sát sản phẩm áo vest sau khi xử lý bằng phần mềm SPSS với hệ số Cronbach's Alpha là 0.717, độ tin cậy của kết quả khảo sát cao cho thấy sản phẩm áo vest may từ mẫu vải LC/PES tỷ lệ pha 50/50 là phù hợp với yêu cầu của mục đích sử dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nicholas Storey, *History of Men's Fashion: What the Well-dressed Man is Wearing*, 2008
- [2] M. Johnson, *Birth of the Modern*, 2013
- [3] Hiroko Yokura, Masako Niwa, *Durability of Fabric Handle and Shape Retention During Wear of Men's Summer Suits*. Textile research journal ,1990. **60** (4), p.194-202

- [4] J. K. C. Lam, R. Postle, *Stepwise regression studies on fabric mechanical blocks in wool/wool blend fabrics*. The journal of textile institute, 2007. **98** (2), p.163-168
- [5] Mahar, T.J. I.Ajiki; Dhingra, R.C. Postle, *Fabric mechanical and physical properties relevant to clothing manufacture- Part 3: Shape Formation in Tailoring*. International Journal of Clothing Science and Technology, 1989. **1** (8), p.6-13
- [6] Z Xue, X Zeng, L Koehl, *An intelligent method for the evaluation and prediction of fabric formability for men's suits*. Textile research journal, 2018. **88** (4), p.438-452
- [7] Waesterberg, *Making up properties of wool fabric*. Journal of the textile institute transactions, 1965. Volume **56** (10), p.517-532
- [8] Mori, Masukuni, *Basic Testing Method for Designing Excellent Fabrics for Men's Suits*. International Journal of Clothing Science and Technology, 1994. **6** (2), p.7-10
- [9] Meesik Lee, Eui Kyung Kim, *Analysis of Drapability of Men's & Women's Suit Fabric*. Dept. of Clothing Science-Seoul Women's university, 2006. **30** (12), p.1723-1729
- [10] Olga Troynikov, Wiah Wardiningsih, *Moisture management properties of wool/ polyester and wool/bamboo knitted fabrics for the sportswear base layer*. Textil Research Journal, 2011. **81** (6), p.621-631
- [11] Maryam Naebe & Bruce A. McGregor, *Comfort properties of superfine wool and wool/cashmere blend yarns and fabrics*. The Journal of The Textile Institute, 2013. **104** (6), p.634-640
- [12] Bùi Thị Oánh, *Nghiên cứu lựa chọn vải sử dụng may áo jacket nữ công sở tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Kỹ thuật, 2017
- [13] Cao Thị Minh Huệ, *Nghiên cứu khảo sát lựa chọn vải sử dụng may quần Áo công sở nam giới tại Hà Nội*. Luận văn thạc sĩ kỹ thuật, 2018
- [14] Phạm Phúc Tuy, *Phương pháp xử lý số liệu thống kê trong nghiên cứu khoa học*
- [15] PGS.TS. Nguyễn Bảo Vệ, *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*, 2005

Ngày nhận bài: 21/11/2020

Ngày chấp nhận đăng: 18/03/2021